TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/DS-ST
Ngày: 09 -9-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa* phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc An**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Lưu Đức Chung**
2. Ông **Nguyễn Mạnh Cường**
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.
- ***Đại diệnViện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 (LT) về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 345/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1

Địa chỉ trụ sở: 201-203, Cách mạng tháng tám, phường B (Phường D, Quận C cũ), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1987.

2/ Ông Võ Văn L, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số B, đường L, ấp V, xã L (TT L, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ A, Khu A, xã B (xã L, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

(ông L có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/03/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 (gọi tắt Ngân hàng) do ông Võ Văn L đại diện trình bày:*

Ngân hàng TMCP N1 có cho ông N vay theo hợp đồng tín dụng số 0239/2022/713-CV ngày 22/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh Đ – Phòng G với số tiền 20.000.000 đồng. Ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng vẫn không thanh toán và đã chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2025 là 41.521.694 đồng, trong đó: Nợ gốc: 40.754.644 đồng; Nợ lãi, phí: 767.050 đồng và số tiền lãi, phạt và phí phát sinh của khoản tín dụng theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn Thành N thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Nguyễn Thành N vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi, phạt theo qui định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trước đây trong đơn khởi kiện có ghi nội dung: Trong trường hợp ông N không thanh toán khoản nợ hoặc không thanh toán hết nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông N để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán tài sản và xử lý tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông N được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng xác định chỉ cho vay thẻ tiêu dùng chứ không có tài sản bảo đảm cho khoản vay nên không yêu cầu đối với nội dung này, sẽ yêu cầu trong quá trình thi hành án sau.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng bị đơn ông Nguyễn Thành N vắng mặt và không cung cấp ý kiến.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện ngày 31/03/2025; Các Bảng chiết tính nợ vay; Giấy ủy quyền số 45/2025/UQ-NHNA-L.THÀNH; Quyết định về việc bổ nhiệm nhân sự số 826/2024/QĐ-NHNA-02 ngày 17/4/2024; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần S: 0300872315; Quyết định v/v bổ nhiệm Nhân sự số 1110A/2022/QĐ-NHNA-02 ngày 12/5/2022 (bản sao); Quyết định v/v tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự số 537A/2020/QĐ-NHNA-02 ngày 20/3/2020 (bản sao); Quyết định số 265/2024/QĐ-NHNA-01 ngày 09/4/2024; Quyết định v/v ủy quyền tham gia tố tụng, giải quyết việc thi hành án số 267/2024/QĐ-NHNA-01 ngày 09/4/2024 (bản sao); Quyết định v/v ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 số 567/2024/QĐQT-NHNA ngày 09/4/2024; Điều lệ ngân hàng; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0239/2022/713-CV ngày 22/11/2022; CCCD Nguyễn Thành N; CCCD Võ Văn L (bản sao); CCCD Nguyễn Phúc H (bản sao);

CCCD Nguyễn Văn M; Bản tự khai ngày 03/06/2025, ngày 29/7/2025 của Ngân hàng; Bảng chiết tính nợ vay ngày 29/7/2025; Biên bản làm việc ngày 24/12/2024 giữa Ngân hàng và ông N; Hình ảnh làm việc giữa Ngân hàng và ông N. Bản tự khai ngày 09/9/2025 của Ngân hàng; 03 Bảng chiết tính nợ vay ngày 09/9/2025.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

Xét theo Hợp đồng tín dụng số 0239/2022/713-CV ngày 22/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh Đ – Phòng G cho ông Nguyễn Thành N vay với số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ hợp đồng này cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, xác định có việc giao kết hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Buộc ông N phải trả cho Ngân hàng số tiền theo hợp đồng tín dụng tổng cộng 41.521.694 đồng, trong đó: Nợ gốc: 40.754.644 đồng; Nợ lãi, phí: 767.050 đồng tạm tính đến ngày xét xử và tiền lãi phát sinh tiếp theo yêu cầu của Ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Nguyễn Thành N nhưng ông N vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng (dành cho khách hàng cá nhân) số 0239/2022/713-CV ngày 22/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh Đ – Phòng G cho ông Nguyễn Thành N vay với số tiền 20.000.000 đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng này cùng các chứng cứ khác trong hồ sơ cũng như lời trình bày của nguyên đơn, xác định có việc sau khi ký kết hợp đồng ông N đã sử dụng tiền vay và vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông N thanh toán số tiền nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín

dụng số 0239/2022/713-CV ngày 22/11/2022 tạm tính đến ngày 09/9/2025 là 41.521.694 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn sáu trăm chín mươi tư đồng), trong đó: Nợ gốc: 40.754.644 đồng; Nợ lãi, phí: 767.050 đồng.

Ông N phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Sau khi ký kết ông N đã sử dụng tiền vay, đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngân hàng xác định chỉ cho vay thẻ tiêu dùng chứ không có tài sản bảo đảm cho khoản vay nên không yêu cầu đối với nội dung tài sản bảo đảm này, sẽ yêu cầu trong quá trình thi hành án sau nên không xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu 2.076.000 đồng (làm tròn).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 914.000 đồng theo biên lai số 0015063 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 100, Điều 103 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Nguyễn Thành N.

Buộc ông Nguyễn Thành N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền nợ gốc 40.754.644 đồng và lãi, phí 767.050 đồng, tổng cộng 41.521.694 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn sáu trăm chín mươi tư đồng).

Ông Nguyễn Thành N phải chịu tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong số 0239/2022/713-CV ngày 22/11/2022 kể từ ngày 10/9/2025 trở đi cho đến khi thi hành xong nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành N phải chịu 2.076.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 914.000 đồng theo biên lai số 0015063 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An